

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 9 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bằng

2. Ông Trần Đại Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐ-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Văn P, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã Hoàng T, huyện Kim B, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở hiện nay: Lã Xuân O, phường Long T, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp A, thị trấn D, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trương Văn P trình bày: Anh với chị T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu A (nay là thị trấn D) vào năm

2007. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp. Chị T đã bỏ đi và sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Do đó, anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung là Trương Nguyễn Phương M (nữ) sinh ngày 22/5/2011. Anh P yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm T, từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T. Tuy nhiên chị T đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung đề nghị giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không có, về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm T vắng mặt mặc dù được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Anh P và chị T tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu A (nay là thị trấn D) nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh P và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không sống chung với nhau, đã ly thân từ năm 2017 đến nay, anh P và chị T không còn liên lạc với nhau cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Tại tòa anh P giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Trương Văn P và chị Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn.

[3] Về con chung: Anh Phương và chị Trang có 01 con chung tên Trương Nguyễn Phương M, sinh ngày 22/5/2011. Cháu M đang sống trực tiếp với anh P và có nguyện vọng muốn sống anh P. Xét thấy anh P xin được trực tiếp nuôi con chung và hiện tại chị T không thường xuyên thăm nom, chăm sóc con chung. Để tránh làm ảnh hưởng đến hoàn cảnh sống của cháu cũng như ổn định cho cháu được học hành, anh P cũng có điều kiện kinh tế ổn định nên Hội đồng xét xử giao cháu M cho anh P

trực tiếp nuôi là phù hợp. Anh P không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Phương phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 53, 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn P và chị Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao trẻ Trương Nguyễn Phương M, sinh ngày 22/5/2011 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trẻ tròn 18 tuổi. Chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trương Văn P phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0004023 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh P đã nộp đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Dương Hoài Ân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm